

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 59/2021/DSST

Ngày: 06/4/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Công

2. Ông Đàm Kiến Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2020/TLST-DS, ngày 25/11/2020, về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/QĐXXST- DS, ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 112/5, khu phố 4, phường 5, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp Tân X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà S và bà A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Tôi có tham gia góp 05 dây hụi do bà A làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- *Dây thứ 1:* Hụi mở ngày 30/9/2018 (al), dây hụi có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần, tôi tham gia góp 02 phần. Tôi đã góp được đến kỳ thứ 23 thì bà A vỡ hụi nên không giao hụi cho tôi. Bà A còn nợ 46.000.000 đồng.

- *Dây thứ 2*: Hui mở ngày 15/12/2018 (al), dây hui có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần, tôi tham gia góp 03 phần. 02 phần hui chưa hốt, tôi đã góp được 21 kỳ, số tiền thực đóng là 23.780.000 đồng. Riêng 01 phần hui đã hốt, tôi còn nợ lại bà A 06 kỳ hui chết là 6.000.000 đồng.

- *Dây thứ 3*: Hui mở ngày 25/3/2019 (al), dây hui có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần, tôi tham gia góp 03 phần. Tôi đã góp được 17 kỳ, số tiền thực đóng là 28.242.000 đồng.

- *Dây thứ 4*: Hui mở ngày 05/4/2020 (al), dây hui có 20 phần, 1.000.000 đồng/phần, tôi tham gia góp 01 phần. Tôi đã góp được 05 kỳ, số tiền thực đóng là 2.780.000 đồng.

- *Dây thứ 5*: Hui mở ngày 20/5/2020 (al), dây hui có 20 phần, 1.000.000 đồng/phần, tôi tham gia góp 02 phần, số tiền tôi thực đóng là 2.294.000 đồng.

Tổng số tiền của 5 dây hui, tôi đóng cho bà A được 109.020.000 đồng.

Ngoài ra tôi có mua 02 phần hui như sau: 01 phần hui khai ngày 25/3/2019 (al), tôi mua với số tiền là 12.855.000 đồng. 01 phần hui khai ngày 05/34/2020 (al), tôi mua với số tiền là 10.380.000 đồng. Tổng số tiền của 02 phần hui mua là 23.235.000 đồng, bà A chưa giao tiền cho tôi.

Tổng số tiền bà A còn nợ tôi là 132.255.000 đồng. Tôi còn nợ lại bà A 6.000.000 đồng.

Nay yêu cầu bà A trả cho tôi 132.255.000 đồng làm một lần, khi án có hiệu lực pháp luật. Tôi sẽ trả cho bà A 6.000.000 đồng một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Bị đơn, bà Phạm Thị A trình bày:*

Tôi đồng ý với phần trình bày của bà S. 05 phần hui bà S góp được số tiền 109.020.000 đồng và 02 phần hui mua là 23.235.000 đồng. Tổng cộng tôi nợ bà S 132.255.000 đồng.

Tôi có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà S trả số tiền nợ hui chết là 6.000.000 đồng và căn trừ vào số tiền tôi còn nợ bà S.

Do các hui viên đã hốt hui, không đóng lại hui chết nên tôi không có tiền trả cho các hui viên chưa hốt hui, trong đó có tiền của bà S. Nay xin trả cho bà S mỗi tháng 1.000.000 đồng.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung giải quyết: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Bà A thừa nhận có nợ bà S 132.255.000 đồng tiền góp hội nên có nghĩa vụ trả cho bà S. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà A trả cho bà S số tiền góp hội còn nợ là 132.255.000 đồng theo thời gian như bà S yêu cầu. Bà A yêu cầu phản tố, yêu cầu bà S trả số tiền nợ hội còn nợ là 6.000.000 đồng. Bà S thừa nhận có nợ bà A tiền hội là 6.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà S trả cho bà A 6.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Bà S và bà A phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị S và bà Phạm Thị A là tranh chấp về “*Hợp đồng góp hội*” theo khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S: Bà S yêu cầu bà A trả số tiền hội còn nợ là 132.255.000 đồng. Xét thấy: Tại phiên tòa, bà A và bà S trình bày thống nhất số tiền hội bà A còn nợ bà S là 132.255.000 đồng. Bà A đồng ý trả cho bà S số tiền 132.255.000 đồng nên ghi nhận.

Xét yêu cầu phản tố của bà A: Bà A yêu cầu bà S trả số tiền hội chết còn nợ là 6.000.000 đồng. Bà S đồng ý trả cho bà A 6.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật nên ghi nhận.

Xét về thời gian trả: Bà S yêu cầu bà A trả 132.255.000 làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà A xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, mục đích của việc tổ chức góp hội là tương trợ vốn làm ăn trong nhân dân. Theo thỏa thuận trong hình thức góp hội là sau mỗi kỳ góp hội có hội viên được hốt hội. Nhưng do bà A ngưng góp hội nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các hội viên trong đó có quyền lợi của bà S. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà S về việc yêu cầu bà A trả 132.255.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của bà S được chấp nhận nên bà S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà A. Bà A có nghĩa vụ trả tiền cho bà S nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà S. Bà A có hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên được giảm 50% số tiền án phí theo qui định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.
- Buộc bà Phạm Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền hui còn nợ là 132.255.000 (*một ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn*) đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.
- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị A.
- Buộc bà Nguyễn Thị S trả cho bà Phạm Thị A số tiền hui còn nợ là 6.000.000 (*sáu triệu*) đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.
- Về án phí:
 - + Bà Phạm Thị A phải nộp 6.612.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được giảm 50% số tiền án phí. Do đó, bà A còn phải nộp 3.306.375 (*ba triệu ba trăm lẻ sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm*) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0019027, ngày 22/12/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, bà A còn phải nộp tiếp 3.006.375 (*ba triệu không trăm lẻ sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm*) đồng, án phí.
 - + Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.105.875 đồng, theo biên lai thu số 0019144, ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền chênh lệch là 3.805.875 (*ba triệu tám trăm lẻ năm nghìn tám trăm bảy mươi lăm*) đồng.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Phạm Thị A, bà Nguyễn Thị S không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Gò Công;
- THA Dân sự TX. Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

Nơi nhận:

- VKSND TX. Gò Công;
- THA dân sự TX. Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Toạ Phiên Toà

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI